TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1160/2020/DSST
Ngày: 05-8-2020
V/v tranh chấp đòi nhà
và tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung

Ông Lê Giáo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Khanh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2008/DSST ngày 16 tháng 7 năm 2008 về "Tranh chấp đòi nhà" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3209/2020/QĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7233/QĐST-DS ngày 14/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Từ Quang D1, sinh năm 1954;
Địa chỉ: Số A đường B, Australia;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu L *(có đơn xin vắng)*
Địa chỉ: Số C đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Uông Mộng V, sinh năm 1962; *(có mặt)*
Địa chỉ: Số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Từ Quang M, sinh năm 1960; *(vắng mặt)*
2. Bà Từ Ngọc C, sinh năm 1953; *(vắng mặt)*
Cùng địa chỉ: số O đường P, Sydney, Australia.

3. Ông Từ Quang V, chết ngày 18/4/2013;
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V: Bà Lý Thái Tú T, sinh năm 1971 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: số T đường X, New South Wales 2165, Australia.

4. Ông Từ Quang N, sinh năm 1956; *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Số E đường F, NG 08052, USA.

5. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1959; *(có mặt)*
6. Bà Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1990;
7. Bà Huỳnh Yến N, sinh năm 1991;
8. Ông Huỳnh Đức N, sinh năm 2001
Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngọc N, Yến N, ông Nhuận: Bà Uông Mộng V, sinh năm 1962; *(có mặt)*
Địa chỉ: Số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02/6/2008, tờ tường trình cùng các tài liệu khác, nguyên đơn ông Từ Quang D1 và đại diện của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Từ T và bà Tăng Thị T theo Bằng khoán điền thổ số 2598, quyển 11 Sài gòn – Thái Bình. Năm 1989, trước khi đi xuất cảnh sang Úc, ông T và bà T đã ủy quyền cho bà Uông Mộng V được "quản lý sử dụng, không mua bán, sang nhượng quyền sở hữu" căn nhà số số H đường M, phường F, quận N theo Giấy phép ủy quyền quản lý nhà số 930/GP-UQ7 do Sở Nhà Đất (nay là Sở Xây dựng) cấp ngày 15/6/1989. Ông T và bà T có tất cả 05 (năm) người con gồm:

1/ Ông Từ Quang V, sinh năm 1951
2/ Bà Từ Ngọc C, sinh năm 1953
3/ Ông Từ Quang D1, sinh năm 1954
4/ Ông Từ Quang D2, sinh năm 1956
5/ Ông Từ Quang M, sinh năm 1960

Năm 1997, bà Tăng Thị T mất (không để lại di chúc). Ngày 09/4/2003, 05 người con của bà T là ông V, bà C, ông D1, ông D2, ông M đã lập Giấy nhường quyền hưởng di sản với nội dung tự nguyện nhường quyền hưởng phần di sản của bà T trong căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho cha là ông Từ T. Giấy nhường quyền hưởng di sản gồm có 02 bản được Tổng Lãnh Sự Quán nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Úc chứng thực chữ ký theo số 52/CC/SYD-02 và 52/CC/SYD-03 ngày 09/4/2003.

Năm 2006 ông Từ T mất, để lại di chúc lập ngày 18/4/2005, có 02 (hai) nhân chứng là ông F. BUI (luật sư) và bà THI K THU BUI (nhân viên kế toán) được Tòa án Tối Cao New South Wales – Phân Tòa Hộ tịch Gia đình chứng nhận ngày 08/3/2007 với nội dung: sau khi ông chết sẽ để lại toàn bộ tài sản cho ông Từ Quang D1, trong đó có căn nhà nói trên. Ngày 12/11/2009, hai nhân chứng P BUI và THI K THU BUI có văn bản xác nhận việc chứng kiến ông Từ T lập di chúc là

tự nguyện, trong trạng thái tinh thần minh mẫn sáng suốt. Các văn bản đều được lập theo đúng trình tự, thủ tục và đã được hợp pháp hóa lãnh sự.

Vì vậy, ông Từ Quang D1 được xác nhận là người duy nhất được hưởng thừa kế di sản theo di chúc đối với căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D1 đã nhiều lần đề nghị bà Uông Mộng V và chồng là ông Huỳnh Văn N trả căn nhà số số H đường M, phường F, quận N cho gia đình ông nhưng bà V không đồng ý.

Ngày 15/5/2007, ông D1 đã gửi thông báo về việc lấy lại nhà ở cho bà Uông Mộng V, vào ngày 17/5/2007, có sự chứng kiến của ông Huỳnh H – Tổ trưởng Tổ dân phố số 03 và Ủy ban nhân dân phường F, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 18/5/2007, ông D1 đã nộp đơn khởi kiện đòi nhà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 25/5/2007, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo số 821/TB-TA trả lại đơn khởi kiện, hướng dẫn: "Yêu cầu đòi nhà của quản lý nhà biết trong thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11". Tức là thông báo cho người đang quản lý, sử dụng nhà ở đó biết trước ít nhất mười hai tháng.

Ngày 11/7/2007, Sở Xây dựng đã có Công văn số 5013/CCQNĐ về việc trả lời đơn của công dân, đã cho biết: "Giấy phép ủy quyền quản lý nhà số 930/GP-UQ7 ngày 15/6/1989 của Sở Nhà đất hết hiệu lực tại thời điểm ông Từ T, bà Tăng Thị T chết. Nay, thời hạn 01 năm thông báo cho bà Uông Mộng V theo quy định đã hết hạn, để lại nhà. Nhưng bà Uông Mộng V cũng không trả nhà cho gia đình ông.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc bị đơn bà Uông Mộng V và người liên quan ông Huỳnh Văn N phải trả căn nhà số số H đường M, phường F, quận N cho gia đình ông Từ Quang D1 trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Từ Quang D1 sẽ giúp đỡ cho bà Uông Mộng V và người liên quan số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để tạo điều kiện cho bị đơn và những liên quan nhanh chóng trả lại nhà cho gia đình ông Từ Quang D1.

Tại Văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017, ông Từ Quang D1 và ông Huỳnh Văn N đã thỏa thuận "Khi bên A (ông D1) bán/chuyển nhượng nhà - đất trên, bên A cam kết chia cho bên B 20% trên số tiền bán/chuyển nhượng theo giá trị trường tại thời điểm bán/chuyển nhượng nhà - đất trên, Đồng thời bên B (ông N) cam kết không gây trở ngại, cản trở đến việc đo vẽ căn nhà số căn nhà số số H đường M, phường F, quận N và bàn giao nhà - đất trên cho bên A khi nhận đủ tiền do bên A giao".

Tại đơn đề nghị ngày 31/7/2020, đại diện nguyên đơn ông Trần Hữu L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi nhà, buộc bị đơn bà Uông Mộng V và người liên quan Huỳnh Văn N phải trả căn nhà số số H đường M, phường F, quận N cho gia đình ông Từ Quang D1. Đồng thời đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn là nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền tương đương với 20% giá trị căn nhà tại thời điểm bà V và ông N trả nhà cho gia đình ông D1 theo thỏa thuận ngày 30/11/2017.

Về yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V: Ông Diệu không đồng ý phân chia căn nhà theo yêu cầu của ông Từ Quang V do các đồng thừa kế đã thống nhất nhường quyền hưởng di sản của mình cho ông Từ T và ông Từ T đã lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông Từ Quang D1. Về kết quả định giá nhà đất tranh chấp: Nguyên đơn đồng ý với Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần giám định X.

Tại bản tự khai cùng các biên bản hòa giải, biên bản làm việc, bị đơn bà Uông Mộng V có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Văn N trình bày:

Trong khoảng thời gian tháng 8/1989, vợ chồng ông Huỳnh Văn N có nhận quản lý và sử dụng căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh từ ông Từ T trong vòng 02 năm để ông Từ T sang Úc. Sau 02 năm ông Từ T về Việt Nam, vợ ông không về được với lý do phải mổ thận. Trong thời gian đó, mái ngói căn nhà sắp sập, ông N có thông báo với ông Từ T và ông T bảo cứ làm lại rồi ông tính lại sẽ không để thiệt cho vợ chồng ông N bà V. Cho nên vợ chồng ông N đã bỏ ra 30 cây vàng để sửa chữa lại căn nhà. Từ lầu 1 mái ngói vợ chồng ông N đã xây thêm 1 tầng vừa đúc bên tông vừa gác gỗ ở lầu 2 và lợp tole, nội thất trong nhà có làm thêm cửa sắt 4 cánh ở dưới nhà và cửa sổ ở lầu 1 và lầu 2, hệ thống cống thoát nước đào lên thay mới, điện nước đều sửa lại âm tương, mặt tiền nhà ốp gạch men. Trong thời điểm sửa chữa nhà vật liệu xây dựng khan hiếm, giá vật tư tăng rất cao có lúc bao xi măng tăng gần 100.000đ/ 1 bao cộng với nhà cũ đụng tới đâu hư tới đó nên chi phí phát sinh rất nhiều với những khoản kể trên vợ chồng ông N bỏ ra khoảng 12 cây vàng. Thời điểm đó là những năm 1990-1996, lúc đó sửa chữa nhà sắp sập chỉ xin Phường là được và công thợ làm đến đâu trả tiền đến đó.

Trong khoảng thời gian 20 năm qua, vợ chồng ông N bà V đã có 3 con sống tại căn nhà này, đã bỏ ra công sức gìn giữ và sửa chữa nâng cấp căn nhà này, nay giá trị căn nhà đã tăng hơn gấp nhiều lần (hoảng 360-380 cây vàng SJC). Nếu không để số tiền này sửa chữa căn nhà thì vợ chồng ông N cũng có thể mua căn nhà nhỏ hơn để ở và không phải có mặt ở tòa như ngày hôm nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Uông Mộng V có ủy quyền cho ông Huỳnh Văn N có yêu cầu phản tố yêu cầu xem xét giải quyết 75 lượng vàng SJC, trong đó tài sản đóng góp trong căn nhà này 70 lượng vàng tương ứng với 20% giá trị đóng góp trong căn nhà cộng với thuế nhà đất là 5 lượng vàng SJC.

Tại Văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017, ông Từ Quang D1 và ông Huỳnh Văn N đã thỏa thuận "Khi bên A (ông D1) bán/chuyển nhượng nhà - đất trên, bên A cam kết chia cho bên B 20% trên số tiền bán/chuyển nhượng theo giá trị trường tại thời điểm bán/chuyển nhượng nhà - đất trên, đồng thời bên B (ông N) cam kết không gây trở ngại, cản trở đến việc đo vẽ căn nhà số căn nhà số số H đường M, phường F, quận N và bàn giao nhà - đất trên cho bên A khi nhận đủ tiền do bên A giao".

Tại bản tự khai ngày 25/12/2017, bà Uông Mộng V trình bày: Trước đây bà V có ủy quyền cho ông Huỳnh Văn N là chồng cũ của bà tham gia tố tụng trong vụ án. Nay bà không ủy quyền cho ông N nữa vì ông N và bà V đã ly hôn.

Ngày 08/7/2019, bà Uông Mộng V và ông Huỳnh Văn N có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố với nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N đại diện cho bà V có đơn yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn phải thanh toán giá trị đóng góp xây dựng làm tăng giá trị căn nhà 20%/giá trị căn nhà tại thời điểm trả nhà, tương đương 70 lượng vàng SJC và tiền công sữa chữa, giữ gìn nhà cho đến nay tương đương 5 lượng vàng SJC. Tổng cộng, bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán 75 lượng vàng SJC cho bị đơn tại thời điểm giao trả nhà. Nay do các bên đã thỏa thuận thống nhất giải quyết tranh chấp được với nhau về việc nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn 20%/ giá trị căn nhà sau khi bán nhà hoặc phát mãi tài sản, nên bà V, ông N xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V: Bị đơn không đồng ý do các đồng thừa kế đã thống nhất nhường quyền hưởng di sản của mình cho ông Từ T và ông Từ T đã lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông Từ Quang D1. Về kết quả định giá nhà đất tranh chấp: Bị đơn đồng ý với Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần giám định X.

Tại các bản tự khai ngày 03/6/2009, 04/6/2009, 29/10/2009, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Quang V trình bày:

Ông Từ Quang V là con của ông Từ T và bà Tăng Thị T. Năm 1989, trước khi qua Úc, ông T bà T có làm giấy ủy quyền cho bà Uông Mộng V quản lý căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Cha mẹ ông V có 05 người con là: ông Từ Quang V, bà Từ Ngọc C, ông Từ Quang D1, ông Từ Quang D2, ông Từ Quang M. Bà T mất năm 1997, ông T mất năm 2006. Khi bà T mất, ông V có ký giấy nhượng quyền hưởng di sản nhưng không đọc qua nội dung vì tin tưởng vào cha của mình là ông Từ T để giao cho ông Từ T trông coi nhà nhưng chưa hề cho phần di sản thừa kế của mình. Ông V cũng không biết được cha của ông khi chết đã để lại di chúc cho đến khi ông Từ Quang D1 và bà Uông Mộng V nói có di chúc để lại. Ông Từ Quang D1 có nhờ Luật sư làm giấy ủy quyền đưa cho 4 anh em ký nhưng ông không ký vì nội dung là để ông Từ Quang D1 hợp pháp ra tòa và cho ông D1 căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông không công nhận bản di chúc của ông Từ T vì bản di chúc được lập theo ý của ông Từ Quang D1, di chúc được giữ bí mật với tất cả các anh em và trong khi tinh thần của ông Từ T không còn minh mẫn và bị bệnh sắp chết. Không đồng ý nhường quyền hưởng di sản cho ông Từ Quang D1 vì giấy nhường quyền hưởng di sản đến nay không còn giá trị về mặt pháp lý.

Ông Từ Quang V đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Uông Mộng V trả lại căn nhà trên trong vòng 03 tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa có hiệu lực thi hành. Ông đồng ý cùng 4 người thừa kế cho bà Uông Mộng V 50 lượng vàng 9999, phần của ông là 10 lượng vàng 9999.

Ngoài ra ông Từ Quang V còn có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án công nhận cho ông V được hưởng 1/5 giá trị căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/4/2013, ông Từ Quang V qua đời theo Giấy chứng tử số đăng ký 116783/2013 ngày 03/5/2013 tại Bang P, Úc.

Bà Lý Thái Tú T là vợ của ông V, đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125680/2010 ngày 01/10/2010 và được Hộ tịch viên ký xác nhận ngày 06/10/2010 tại Bang P, Úc.

Tại Văn bản ngày 10/6/2015, được chứng thực chữ ký và hợp pháp hõa lãnh sự ngày 18/6/2015 bà T có yêu cầu xin được nhận phần thừa kế chia di sản, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V theo yêu cầu chia thừa kế nhà đất số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2010, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Quang M trình bày:

Cha của ông Từ Quang M là ông Từ T và mẹ là Tăng Thị T. Ông T bà T là chủ sở hữu căn nhà số số H đường M, phường F, quận N theo các chứng từ:

- Bằng khoán điền thổ số 2598 Sài gòn – Thái Bình, xác nhận mua căn nhà này theo Chứng thư đoạn mại ngày 31/01/1964 lập tại Phòng Chưởng khế Sài Gòn.
- Giấy phép ủy quyền nhà số 930/GP-UQ7 ngày 15/6/1989 của Giám đốc Sở nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công văn số 5012/CCCQNĐ ngày 11/7/2007 của Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận rằng ông T bà T ủy quyền nhà cho bà Uông Mộng V đã hết hiệu lực, kể từ khi ông T bà T chết.

Ông Từ T và bà Tăng Thị T có 05 người con gồm: Ông Từ Quang M, sinh năm 1960, bà Từ Ngọc C, sinh năm 1953, ông Từ Quang V sinh năm 1951, ông Từ Quang D2 sinh năm 1956 và ông Từ Quang D1 sinh năm 1954.

Mẹ ông là bà Tăng Thị T mất năm 1997, không để lại di chúc. Các người con của bà đã lập Giấy nhường quyền hưởng di sản cho ông Từ T đối với căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy nhường quyền hưởng di sản được lập ngày 09/4/2003 và được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Australia chứng thực.

Cha ông là ông Từ T đã lập di chúc để lại toàn bộ di sản cho con là ông Từ Quang D1 trong đó có căn nhà trên. Di chúc được lập ngày 18/4/2005, có 02 người làm chứng và được Tòa án Tối cao New South Wales – Phân tòa Hộ Tịch Gia đình chứng nhận ngày 08/3/2007.

Ông có quá trình sinh sống trong ngôi nhà nêu trên cho đến khi xuất cảnh định cư ở Úc. Ông không bỏ công sức hay tiền bạc đóng góp để sửa chữa ngôi nhà này. Ông và chị là bà Từ Ngọc C đã ký tên trên Giấy nhường quyền hưởng di sản được lập ngày 09/4/2003 và được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Australia chứng thực chữ ký của hai người.

Do đó, ông Từ Quang M đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc chia thừa kế căn nhà số H đường M, phường F, quận N thì cha ông đã lập di chúc để di sản cho ông Từ Quang D1.

Tại văn bản ngày 07/6/2010, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Từ Ngọc C trình bày:

Ngày 19/5/2010 bà đã nhận được thông báo của Tòa án (hồ sơ ủy thác tư pháp) đề nghị bà có ý kiến về một số vấn đề như sau:

Bà không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Cha mẹ của bà là ông Từ T và bà Tăng Thị T cư ngụ tại căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T bà T có tất cả 5 người con là: Từ Quang V, Từ Ngọc C, Từ Quang D1, Từ Quang D2, Từ Quang M. Bà T chết năm 1997, không để lại di chúc. Ông Từ T chết năm 2006, ông có làm di chúc tại Úc.

Về căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ bà để lại, có các chứng từ sở hữu được các cơ quan có thẩm quyền cấp gồm: Bằng khoán điền thổ số 2598; Tờ lược giải số 4 nghi thức thi hành ngày 13/7/1964; Đoạn mãi ngày 31/01/1964 lập tại Phòng Chưởng khế Sài Gòn.

Bà C đã sinh sống trong căn nhà nói trên từ năm 1964 đến năm 1989 thì xuất cảnh sang Úc. Bà đã ký tên trên Giấy nhường quyền hưởng di sản ngày 09/4/2003 cho ông Từ T để tiện cho việc ông Từ T về Việt Nam lấy lại căn nhà.

Về vấn đề ông Từ Quang D1 kiện bà Uông Mộng V để yêu cầu đòi nhà và ông Từ Quang V có yêu cầu hưởng quyền thừa kế di sản của cha mẹ thì bà đề nghị Tòa án xét xử công minh. Ngoài ra bà Chi không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Quang D2 đã được Tòa án ủy thác tư pháp theo hồ sơ ủy thác tư pháp số 865/BTP-HTQT ngày 15/6/2010 và số 3853/BTP-PLQT ngày 28/8/2013 nhưng không nhận được trả lời của ông D2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N trình bày: Trong khoảng thời gian tháng 8/1989, vợ chồng ông Huỳnh Văn N có nhận quản lý và sử dụng căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh từ ông Từ T. Ông N cùng với bà Uông Mộng V và 03 con là Huỳnh Ngọc N, Huỳnh Yến N, Huỳnh Đức N cùng sinh sống ổn định trong căn nhà trên từ đó cho đến nay.

Trước đây ông N đã đại diện cho bà V làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông bà 75 lượng vàng SJC, trong đó tài sản đóng góp trong căn nhà này 70 lượng vàng tương ứng với 20% giá trị đóng góp trong căn nhà cộng với thuế nhà đất là 5 lượng vàng SJC.

Ngày 08/7/2019, bà Uông Mộng V và ông Huỳnh Văn N có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố với nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N đại diện cho bà V có đơn yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn phải thanh toán giá trị đóng góp xây dựng làm tăng giá trị căn nhà 20%/giá trị căn nhà tại thời điểm trả nhà, tương đương 70 lượng vàng SJC và tiền công sữa chữa, giữ gìn nhà cho đến nay tương đương 5 lượng vàng SJC. Tổng cộng, bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán 75 lượng vàng SJC cho bị đơn tại thời điểm giao trả nhà. Nay do các bên đã thỏa thuận thống nhất giải quyết tranh chấp được với nhau về việc nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn 20%/ giá trị căn nhà sau khi bán nhà hoặc phát mãi tài sản theo Văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017, nên bà V, ông N xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nay nguyên đơn ông Từ Quang D1 khởi kiện đòi nhà thì ý kiến của ông N cùng ý kiến với bà Uông Mộng V. Ngoài ra, ông N không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc N, bà Huỳnh Yến N, ông Huỳnh Đức N có người đại diện theo ủy quyền là bà Uông Mộng V trình bày: Bà Huỳnh Ngọc N, bà Huỳnh Yến N, ông Huỳnh Đức N cùng cư ngụ tại căn nhà số số H đường M, phường F, quận N với cha mẹ là ông Huỳnh Văn N và bà Uông Mộng V. Các ông bà cùng ý kiến với bị đơn bà Uông Mộng V, ngoài ra không có ý kiến và không có yêu cầu gì khác trọng vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hữu L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn đề nghị ngày 31/7/2020, đại diện nguyên đơn ông Trần Hữu L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi nhà, buộc bị đơn bà Uông Mộng V và người liên quan Huỳnh Văn N phải trả căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho gia đình ông Từ Quang D1. Đồng thời đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn là nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền tương đương với 20% giá trị căn nhà tại thời điểm bà V và ông N trả nhà cho gia đình ông D1 theo thỏa thuận ngày 06/6/2017 và văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017.

Vê yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V: Ông Từ Quang D không đồng ý phân chia căn nhà theo yêu cầu của ông V do các đồng thừa kế đã thống nhất nhường quyền hưởng di sản của mình cho cha là ông Từ T và ông Từ T đã lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông Từ Quang D1.

Bị đơn bà Uông Mộng V trình bày: Trước đây bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu xem xét giải quyết 75 lượng vàng SJC, trong đó tài sản đóng góp trong căn nhà này 70 lượng vàng tương ứng với 20% giá trị đóng góp trong căn nhà cộng với thuế nhà đất là 5 lượng vàng SJC. Nay nguyên đơn đã đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho bà và ông Huỳnh Văn N số tiền tương đương với 20% giá trị căn nhà theo giá trị mua bán căn nhà, sau khi trừ đi các chi phí tại thời điểm trả nhà nên bị đơn đã rút lại yêu cầu phản tố vào ngày 08/7/2019. Nay tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn xác nhận đã rút yêu cầu phản tố. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sẽ đồng ý giao trả căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi nhận được hỗ trợ của nguyên đơn theo thỏa thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N trình bày: Ông cùng ý kiến với bị đơn bà Uông Mộng V, đồng ý giao trả căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Từ Quang D1 ngay khi nhận được hỗ trợ của nguyên đơn theo thỏa thuận.

Bà Uông Mộng V đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc N, bà Huỳnh Yến N, ông Huỳnh Đức N thống nhất với ý kiến của bị đơn bà Uông Mộng V và ông Huỳnh Văn N.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là: Ông Từ Quang M, bà Từ Ngọc C, ông Từ Quang D2 vắng mặt. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Từ Quang V là bà Lý Thái Tú T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Quá trình thực hiện thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến xét xử - giai đoạn trước khi nghị án, những người tiến hành hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự các thủ tục tố tụng cần thiết, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng.

Về nội dung:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Uông Mộng V, ông Huỳnh Văn N và các con trả lại căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Từ Quang D1. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn đối với bị đơn theo thỏa thuận.

2. Về yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lý Thái Tú T: Ngày 09/4/2003, sau khi mẹ ông là bà Tăng Thị T chết, ông Từ Quang V đã ký Giấy nhường quyền hưởng di sản cho cha ông là ông Từ Từ đối với phần di sản do mẹ để lại trong căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ông Từ T đã lập di chúc để lại toàn bộ căn nhà nêu trên cho ông Từ Quang D1. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V.

Từ những nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi nhà đối với căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V về việc yêu cầu được hưởng 1/5 di sản thừa kế là căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Ông Từ Quang Diệu khởi kiện yêu cầu bà Uông Mộng V và những người liên quan phải trả lại căn nhà số số H đường M, phường F, quận N cho gia đình ông Từ Quang D1 theo Giấy phép ủy quyền quản lý nhà số 930/GP-UQ7 do Sở Nhà Đất (nay là Sở Xây dựng) cấp ngày 15/6/1989 giữa cha mẹ ông là ông T, bà T và bà Uông Mộng V.

Ông Từ Quang V không đồng ý với di chúc của ông T và có yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất nêu trên, yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà.

Do vậy Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp đã thụ lý từ "tranh chấp đòi nhà" thành "Tranh chấp đòi nhà và tranh chấp thừa kế" theo khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do nguyên đơn là ông Từ Quang D1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Quang V, bà Từ Ngọc C, ông Từ Quang D2, ông Từ Quang M cư ngụ tại Úc nên tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Từ Quang M, bà Từ Ngọc C, ông Từ Quang D2 đều vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ thông báo về việc thụ lý, phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên và dành quyền kháng cáo cho họ theo quy định.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Từ Quang V là bà Lý Thái Tú T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục thông báo hợp lệ về việc thụ lý, phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử cho bà. Tuy nhiên, do tại Văn bản ngày 10/6/2015 và các văn bản xin vắng mặt trước đây của bà T có trình bày ý kiến của bà về việc giải quyết vụ án và hoàn cảnh bà ở nước ngoài khó khăn, xa xôi cách trở không thể về Việt Nam được nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn xem xét yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V do bà Lý Thái Tú T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng và dành quyền kháng cáo cho bà theo quy định chung.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Căn cứ vào các văn bản: Bằng khoán điền thổ số 2598, quyển 11 Sài gòn – Thái Bình; Tờ lược giải số 4 nghi thức thi hành ngày 13/7/1964; Đoạn mãi ngày 31/01/1964 lập tại Phòng Chưởng khế Sài Gòn, Giấy phép ủy quyền quản lý nhà số 930/GP-UQ7 do Sở Nhà Đất (nay là Sở Xây dựng) cấp ngày 15/6/1989 và sự thừa nhận của các đương sự, có căn cứ xác định nhà đất tại địa chỉ số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông T và bà T ủy quyền cho bà Uông Mộng V được "quản lý sử dụng, không mua bán, sang nhượng quyền sở hữu" vào năm 1989, trước khi ông bà xuất cảnh sang Úc.

Ông T và bà T có tất cả 05 (năm) người con gồm:

1/ Ông Từ Quang V, sinh năm 1951

2/ Bà Từ Ngọc C, sinh năm 1953

3/ Ông Từ Quang D1, sinh năm 1954

4/ Ông Từ Quang D2, sinh năm 1956

5/ Ông Từ Quang M, sinh năm 1960

Năm 1997, bà Tăng Thị T mất (không để lại di chúc). Ngày 09/4/2003, 05 người con của bà T là ông V, bà C, ông D1, ông D2, ông M đã lập Giấy nhường quyền hưởng di sản với nội dung tự nguyện nhường quyền hưởng phần di sản của bà T trong căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho cha là ông Từ Tứ. Giấy nhường quyền hưởng di sản gồm có 02 bản được Tổng Lãnh Sự Quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Úc chứng thực chữ ký theo số 52/CC/SYD-02 và 52/CC/SYD-03 ngày 09/4/2003.

Năm 2006, ông Từ T mất, có để lại di chúc lập ngày 18/4/2005, có 02 (hai) nhân chứng là ông F BUI (luật sư) và bà THI K THU BUI (nhân viên kế toán) được Tòa án Tối Cao New South Wales – Phân Tòa Hộ tịch Gia đình chứng nhận ngày 08/3/2007 với nội dung: sau khi ông chết sẽ để lại toàn bộ tài sản cho ông Từ Quang D1, trong đó có căn nhà nói trên. Ngày 12/11/2009, hai nhân chứng PETER BUI và THI K THU BUI có văn bản xác nhận việc chứng kiến ông Từ T lập di chúc là tự nguyện, trong trạng thái tinh thần minh mẫn sáng suốt. Các văn bản đều được lập theo đúng trình tự, thủ tục và đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Vì vậy, ông Từ Quang D1 là người duy nhất được hưởng thừa kế di sản theo di chúc đối với căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Từ Quang D1 về việc buộc bị đơn bà Uông Mộng V trả lại nhà đất tại số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Từ Quang D1 là có căn cứ. Hơn nữa bị đơn bà Uông Mộng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N cùng các con đồng ý trả lại căn nhà nêu trên cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017, ông Từ Quang D1 và ông Huỳnh Văn N đã thỏa thuận "Khi bên A (ông D1) bán/chuyển nhượng nhà - đất trên, bên A cam kết chia cho bên B 20% trên số tiền bán/chuyển nhượng theo giá trị trường tại thời điểm bán/chuyển nhượng nhà - đất trên, Đồng thời bên B (ông N) cam kết không gây trở ngại, cản trở đến việc đo vẽ căn nhà số căn nhà số số H đường M, phường F, quận N và bàn giao nhà - đất trên cho bên A khi nhận đủ tiền do bên A giao".

Tại đơn đề nghị ngày 31/7/2020, đại diện nguyên đơn ông Trần Hữu L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi nhà, buộc bị đơn bà Uông Mộng V và người liên quan Huỳnh Văn N phải trả căn nhà số số H đường M, phường F, quận N cho gia đình ông Từ Quang D1. Đồng thời đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn là nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền tương đương với 20%

giá trị căn nhà tại thời điểm bà V và ông N trả nhà cho gia đình ông D1 theo thỏa thuận giữa ông Từ Quang D1 và ông N, bà V.

Nhận thấy, theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn, nguyên đơn đã tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền tương đương với 20% giá trị căn nhà tại thời điểm bà V và ông N trả nhà cho gia đình ông D1 theo thỏa thuận ngày 30/11/2017 là sự tự nguyện hỗ trợ hợp pháp và có lợi cho bị đơn để tạo điều kiện cho gia đình bị đơn trả nhà và ổn định cuộc sống nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Ngày 05/9/2008, ông Huỳnh Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Uông Mộng V có yêu cầu phản tố đề nghị xem xét buộc nguyên đơn phải trả cho bà V và ông N số tiền tương đương 75 lượng vàng SJC, trong đó tài sản đóng góp, sửa chữa nhà là 70 lượng vàng, tương ứng với 20% giá trị đóng góp trong căn nhà, cộng với thuế nhà đất là 5 lượng vàng SJC. Ngày 08/7/2019, bị đơn bà Uông Mộng V và ông Huỳnh Văn N có đơn rút lại yêu cầu phản tố. Nay tại phiên tòa sơ thẩm, bà V xác nhận đã rút yêu cầu phản tố. Bà V đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sẽ đồng ý giao trả căn nhà số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi nhận được hỗ trợ của nguyên đơn. Xét thấy việc rút đơn yêu cầu phản tố trước khi mở phiên tòa của bị đơn là tự nguyện và hợp lệ nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn và hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp.

[4.3] Về yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các bản tự khai ngày 03/6/2009, 04/6/2009, 29/10/2009 do ông Từ Quang V tự trình bày, ông V xác nhận sau khi mẹ mất, cha ông có làm giấy nhượng quyền hưởng di sản đưa cho ông V ký và ông đã ký mà không đọc qua nội dung. Đến khi cha ông mất thì ông mới biết ông đã nhường quyền hưởng di sản thừa kế của mẹ để lại cho cha ông và trước khi mất, cha ông đã lập di chúc để lại toàn bộ di sản, trong đó có căn nhà số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Từ Quang D1. Do đó, ông V không thừa nhận đối với giấy nhường quyền hưởng di sản lập ngày 09/4/2003 và Di chúc của cha để lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung trình bày của ông Từ Quang V là phù hợp với lời khai của nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan trong vụ án về nguồn gốc căn nhà và quan hệ nhân thân của các đương sự. Tuy nhiên, ông Từ Quang V không đồng ý với giấy nhượng quyền hưởng di sản mà ông đã ký với lý do lúc ký ông không đọc nội dung là lý do không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hơn nữa, ông Từ Quang V không đồng ý với Bản di chúc lập ngày 18/4/2005 của ông Từ T vì cho rằng thời điểm lập di chúc ông Từ T đã không còn minh mẫn, nhưng ông V không có chứng cứ chứng minh được tại thời điểm lập di chúc, ông T còn minh mẫn hay không. Mặt khác, bản di chúc của ông Từ T lập ngày 18/4/2005, có 02 (hai) nhân chứng là ông F BUI (luật sư) và bà THI K THU BUI (nhân viên kế toán) và được Tòa án Tối Cao New South Wales – Phân Tòa Hộ tịch Gia đình chứng nhận ngày 08/3/2007. Ngày 12/11/2009, hai nhân chứng là

ông P BUI và bà THI K THU BUI cũng đã có văn bản xác nhận việc chứng kiến ông Từ T lập di chúc là tự nguyện, trong trạng thái tinh thần minh mẫn sáng suốt. Các văn bản trong thủ tục lập di chúc đều được lập theo đúng trình tự, thủ tục và đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, việc ông V cho rằng thời điểm lập di chúc ông Từ T đã không còn minh mẫn nên không công nhận di chúc nêu trên là không có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V về việc yêu cầu được chia thừa kế là 1/5 giá trị nhà đất tại số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/4/2013, ông Từ Quang V qua đời. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 125680/2010 ngày 01/10/2010, được Hộ tịch viên ký xác nhận ngày 06/10/2010 tại Bang New South Wales, Úc; Căn cứ Giấy chứng tử số đăng ký 116783/2013 ngày 03/5/2013 tại Bang New South Wales, Úc và căn cứ vào phần trình bày của bà Lý Thái Tú T tại Văn bản ngày 10/6/2015, được chứng thực chữ ký và hợp pháp hõa lãnh sự ngày 18/6/2015 thì có cơ sở xác định ông Từ Quanh V có vợ là bà Lý Thái Tú T. Bà T và ông V kết hôn vào ngày 01/10/2010, bà T có một người con riêng là Lê Hoàng L, sinh năm 2002.

Bà T có yêu cầu xin được nhận phần thừa kế chia di sản, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V theo yêu cầu chia thừa kế nhà đất số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án xác định bà Lý Thái Tú T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Từ Quang V.

Như vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V do bà Lý Thái Tú T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng về việc yêu cầu được chia thừa kế 1/5 giá trị nhà đất tại số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do vụ án được thụ lý từ ngày 16/7/2008 nên Hội đồng xét xử áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí. Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp đòi nhà của nguyên đơn là 200.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bị đơn do đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố. Do ông Từ Quang V là người cao tuổi và là người Việt Nam cư trú tại nước ngoài, đã mất ngày 18/4/2013 nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí cho ông Từ Quang V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 9 Điều 95, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 624, 643 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Pháp lệnh Án phí, lệ phí năm 2009;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Quang D1 về việc buộc bà Uông Mộng V và những người khác là ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Ngọc N, bà Huỳnh Yến N, ông Huỳnh Đức N phải trả lại nhà đất số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Từ Quang D1;

2. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn ông Từ Quang D1 về việc hỗ trợ cho bị đơn số tiền tương đương với 20% giá trị nhà đất số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm bà V và ông N trả nhà cho ông D1 theo văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Uông Mộng V về việc yêu cầu nguyên đơn ông Từ Quang D1 phải trả cho bà 75 lượng vàng SJC tiền công sức tôn tạo, giữ gìn và đóng thuế nhà đất.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Từ Quang V, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lý Thái Tú T về việc yêu cầu được chia thừa kế là 1/5 giá trị nhà đất tại số số H đường M, phường F, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Uông Mộng V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.068.750 đồng theo Biên lai thu số 005962 ngày 29/9/2008 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Uông Mộng V số tiền 6.868.750 đồng (Sáu triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Nguyên đơn ông Từ Quang D1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Từ Quang D1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 005260 ngày 09/7/2008 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Từ Quang V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V là bà Lý Thái Tú T số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng chẵn) theo Biên lai thu số 012073 ngày 10/6/2009 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nhung **Trần Huỳnh** **Nguyễn Minh Quang**